

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐOÃN MINH QUÂN

GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH VĨ MÔ NHẪM
THÚC ĐẨY MỐI LIÊN KẾT GIỮA DOANH NGHIỆP
NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VỚI
CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI
NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA
DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

Chuyên ngành: **Quản lý Khoa học và Công nghệ**

Mã số: **9340412.01**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

HÀ NỘI - 2025

Công trình được hoàn thành tại
Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: **PGS. TS. Đào Thanh Trường**
TS. Trịnh Ngọc Thạch

Phân biện:

- 1.
- 2.
- 3.

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc
gia chấm luận án Tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa
học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội**

Vào hồi giờ ngày tháng năm 2025

Có thể tìm đọc luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài nghiên cứu

Nông nghiệp công nghệ cao (NNCNC) được xem là một trong những trụ cột chính của nền kinh tế toàn cầu, đầu tư phát triển NNCNC là một xu thế tất yếu. Doanh nghiệp (DN) NNCNC và các tổ chức nghiên cứu và triển khai (R&D) là các hạt nhân thúc đẩy chuyển đổi nền nông nghiệp sang nền NNCNC. Mối liên kết giữa DN NNCNC và các tổ chức R&D chặt chẽ góp phần phát triển nông nghiệp hiệu quả.

Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách phát triển NNCNC phù hợp với từng giai đoạn trong đó có những chính sách thúc đẩy mối liên kết giữa các DN NNCNC và các tổ chức R&D nhằm hướng tới phát triển nền NNCNC bền vững. Tuy nhiên, trên thực tế mối quan hệ giữa các tổ chức R&D với các DN vẫn còn nhiều hạn chế, bao gồm: mô hình liên kết giữa khu vực nghiên cứu và khu vực SXNN bộc lộ nhiều khuyết điểm; nhận thức về vai trò của R&D trong sản xuất kinh doanh của các DN nông nghiệp chưa rõ ràng; các DN sản xuất NNCNC e ngại trong vấn đề liên kết với các tổ chức R&D để đầu tư nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp và hiệu quả sản xuất; năng lực của đội ngũ nhân lực KH&CN tại Việt Nam chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của các dự án có quy mô lớn và đòi hỏi công nghệ tiên tiến khiến nhiều DN còn dè dặt trong việc tham gia vào các chương trình hợp tác này; chính sách liên quan đến phát triển NNCNC còn nhiều bất cập.

Đây là một rào cản lớn đối với toàn ngành nông nghiệp nói chung và các DN NNCNC nói riêng trong quá trình thực hiện vai trò của mình đối với nền kinh tế.

Hoàn thiện chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết này sẽ góp phần vào sự phát triển của DN NNCNC, giúp tăng cường tính cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Từ những lý do trên, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài: “***Giải pháp chính sách vĩ mô nhằm thúc đẩy mối liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các tổ chức nghiên cứu và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam***” để tiến hành nghiên cứu.

2. Ý nghĩa của nghiên cứu

2.1. Ý nghĩa lý thuyết

Kết quả nghiên cứu của Luận án đánh giá được các chính sách vĩ mô liên quan đến mối liên kết giữa DN NNCNC và các tổ chức R&D, cung cấp một góc nhìn mới về cách thức tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của DN thông qua các giải pháp kết nối KH&CN; bổ sung thêm các kiến thức lý thuyết về sự tương tác và đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách vĩ mô giúp cải thiện mối liên kết giữa DN NNCNC và các tổ chức R&D trong bối cảnh đặc thù của Việt Nam.

2.2. Ý nghĩa thực tiễn

Từ kết quả nghiên cứu, Luận án đề xuất được giải pháp hoàn thiện chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của DN tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và đặc thù của nền kinh tế Việt Nam.

2.3. Tính mới

Đề xuất được giải pháp hoàn thiện chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC và các tổ chức R&D nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của DN trên cơ sở hệ thống hóa cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn về cơ chế liên kết và tác động của chính sách vĩ mô đến hiệu quả mối liên kết.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của DN tại Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan các công trình khoa học liên quan ở trong nước và nước ngoài về chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D;

- Phân tích cơ sở lý luận; đánh giá, phân tích thực trạng chính sách thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D;

- Đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của DN tại Việt Nam.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

4.1.1. Đối tượng nghiên cứu

Tác động của chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của DN tại Việt Nam.

4.1.2. Mẫu khảo sát

a) Tài liệu

Các văn kiện của Đảng, VBQPPL liên quan; Các báo cáo khoa học được công bố bởi các nhà xuất bản có uy tín, các tổ chức KH&CN trong và ngoài nước.

b) Thống kê mô tả dữ liệu

Sử dụng Mô hình SEM: Căn cứ vào các nghiên cứu đã có, số mẫu được lựa chọn tỷ lệ thuận với số biến quan sát, giao động trong khoảng 200-400 mẫu.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

4.2.1. Phạm vi về thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng chính sách có hiệu lực giai đoạn 2016 đến năm 2023, định hướng đề xuất giải pháp đến năm 2025.

4.2.2. Phạm vi về không gian

Nghiên cứu các DN trong hoạt động SXNN ứng dụng CNC; các DN cung cấp máy móc, thiết bị dùng để sản xuất, kinh doanh nông nghiệp; các tổ chức R&D trong hoạt động nghiên cứu và phát triển NNCNC; các đơn vị quản lý hoạt động nghiên cứu và phát triển NNCNC trên phạm vi toàn quốc.

4.2.3. Phạm vi về nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu chính sách vĩ mô liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D thuộc lĩnh vực NNCNC hoặc các lĩnh vực khác có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của DN tại Việt Nam.

5. Câu hỏi nghiên cứu

Hoàn thiện chính sách vĩ mô như thế nào để thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của DN tại Việt Nam?

6. Giả thuyết nghiên cứu

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các DN NNCNC thông qua giải pháp sử dụng chính sách vĩ mô (chính sách KH&CN, chính sách cơ cấu kinh tế, chính sách tài chính, tiền tệ và tín dụng, chính sách giáo dục và quản lý nguồn nhân lực và việc làm) thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC và các tổ chức R&D.

7. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

7.1. Cách tiếp cận

- Tiếp cận hệ thống đổi mới quốc gia (HTĐMQG): Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận HTĐMQG nhằm tìm hiểu mối liên kết và vai trò giữa các tổ chức R&D, DN và Nhà nước.

- Tiếp cận liên ngành: Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận liên ngành để phân tích chính sách thúc đẩy đầy đủ mối liên kết giữa DN

NNCNC với các tổ chức R&D nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của DN trên thế giới và tại Việt Nam.

7.2 Các phương pháp nghiên cứu

7.2.1. Phương pháp thu thập tài liệu

* Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp: Thu thập tài liệu thứ cấp liên quan đến chính sách thúc đẩy đẩy mỗi liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D.

* Phương pháp thu thập tài liệu sơ cấp: Thu thập tài liệu sơ cấp nhằm đề xuất xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá về chính sách vĩ mô thúc đẩy đẩy mỗi liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D.

7.2.2. Phương pháp phỏng vấn sâu

Trong quá trình phỏng vấn sử dụng phương pháp phỏng vấn Participatory Rural Appraisal nhằm thu thập dữ liệu của các đối tượng tham gia phỏng vấn.

7.2.3. Phương pháp xử lý thông tin

Thu thập số liệu, tổng hợp và xử lý phiếu khảo sát. Sau đó sử dụng phần mềm SPSS 25 và AMOS để phân tích dữ liệu như: thống kê mô tả, đánh giá EFA, CFA, vẽ mô hình SEM...

7.2.4. Phương pháp phân tích và xử lý dữ liệu

Phương pháp thống kê mô tả; Phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA); Phương pháp phân tích nhân tố khẳng định (CFA); Phương pháp mô hình phương trình cấu trúc (SEM).

8. Điểm mới của luận án

8.1. Về mặt khoa học:

- Luận án phân tích vai trò của các tổ chức R&D trong lĩnh vực nông nghiệp và các lĩnh vực khác, mở rộng cách thức các tổ chức R&D từ nhiều ngành, lĩnh vực có thể hỗ trợ DN NNCNC nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về cơ chế liên kết, làm rõ tác động của chính sách vĩ mô đến hiệu quả hợp tác giữa DN và tổ chức R&D.

- Đánh giá định lượng mức độ tác động của chính sách vĩ mô trong việc thúc đẩy hợp tác giữa DN NNCNC và tổ chức R&D.

- Làm rõ hiệu quả của chính sách vĩ mô trong việc thúc đẩy liên kết giữa DN NNCNC và tổ chức R&D, đề xuất chính sách cụ thể.

8.2. Về mặt thực tiễn

- Giúp DN NNCNC nhận thức rõ vai trò của việc liên kết với các tổ chức R&D trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Cung cấp dữ liệu thực tiễn làm căn cứ để Nhà nước đánh giá chính sách hiện hành và điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện chính sách nhằm tạo môi trường thuận lợi hơn cho việc liên kết giữa DN NNCNC và các tổ chức R&D.

9. Cấu trúc của luận án

Luận án có cấu trúc bao gồm 4 chương bên cạnh phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, cụ thể:

Chương 1. Tổng quan nghiên cứu

Chương 2. Cơ sở lý luận về mối liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các tổ chức nghiên cứu và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Chương 3. Thực trạng chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các tổ chức nghiên cứu và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Chương 4. Giải pháp hoàn thiện chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các tổ chức nghiên cứu và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

TÓM TẮT NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

1.1. Các nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài có liên quan đến Luận án

1.1.1. Các nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài về mối liên kết giữa doanh nghiệp với các tổ chức nghiên cứu và triển khai

Trên thế giới đã có các nghiên cứu về mối quan hệ giữa R&D và DN. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung nghiên cứu về các yếu tố liên quan đến chi tiêu cho R&D, sự hợp tác giữa DN và tổ chức R&D. Trong các nghiên cứu, một số yếu tố còn bỏ ngỏ như chính sách vĩ mô về liên kết trong NNCNC.

1.1.2. Các nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài về chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các tổ chức nghiên cứu và triển khai

Các nghiên cứu xoay quanh chủ đề Chính phủ các quốc gia sử dụng chính sách vĩ mô làm tăng/giảm chi tiêu công cho hoạt động R&D, một số nghiên cứu đánh giá tác động chính sách tới hoạt động R&D trong nông nghiệp,... chưa chú trọng nhiều đến chủ đề sử dụng chính sách vĩ mô tác động thúc đẩy liên kết giữa các DN NNCNC với các tổ chức R&D nhằm tăng hiệu quả hoạt động của các DN.

1.2. Các nghiên cứu đã công bố ở trong nước có liên quan đến Luận án

1.2.1. Các nghiên cứu đã công bố ở trong nước về mối liên kết giữa doanh nghiệp với các tổ chức nghiên cứu và triển khai

Các nghiên cứu tập trung vào chủ đề liên kết đào tạo và chuyển giao nghiên cứu giữa DN và cơ sở giáo dục đại học. Một số ít nghiên cứu mối quan hệ giữa các tổ chức R&D với DN trên cơ sở HTĐMQG, vấn đề thương mại hoá kết quả nghiên cứu, nhu cầu nghiên cứu và phát triển sản phẩm,... Có thể thấy liên kết giữa R&D và sản xuất có tác

động lớn đến hiệu quả hoạt động của DN. Tuy nhiên, các công trình chủ yếu bàn về kinh nghiệm thực tiễn từ các mô hình, các địa phương, các quốc gia cụ thể rồi từ đó đề xuất những gợi ý về bài học kinh nghiệm, phương hướng cho phát triển NNCNC cho Việt Nam.

1.2.2. Các nghiên cứu đã công bố ở trong nước về chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các tổ chức nghiên cứu và triển khai

Các nghiên cứu đề cập đến mối quan hệ giữa các tổ chức R&D và các DN nói chung và chỉ tập trung vào một số khía cạnh của chính sách, đối tượng cũng chủ yếu dừng lại ở DN nông nghiệp, thiếu cơ sở thực tiễn về mối liên kết giữa DN NNCNC và tổ chức R&D. Chưa có nghiên cứu hoàn thiện chính sách một cách có hệ thống, toàn diện về đối tượng nghiên cứu là chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa các DN NNCNC và các tổ chức R&D.

1.3. Nhận xét về các công trình khoa học đã công bố

1.3.1. Những nội dung mà các công trình khoa học đã đề cập

1) Các nghiên cứu đã đề cập đến mối quan hệ giữa các tổ R&D với DN trong xoay quanh các chủ đề:

Trên thế giới: mối quan hệ giữa chi tiêu R&D và ứng dụng của chúng; giá thị trường của R&D dựa trên chi tiêu; tác động của R&D đối với hiệu suất của DN; khả năng hấp thụ kiến thức R&D đối với hiệu suất của công ty.

Tại Việt Nam: liên kết đào tạo và chuyển giao nghiên cứu giữa DN và cơ sở giáo dục đại học. Một số ít nghiên cứu xem xét mối quan hệ giữa các tổ chức R&D với DN trên cơ sở HTĐMQG. Bên cạnh đó vấn đề thương mại hoá kết quả nghiên cứu hay nhu cầu nghiên cứu và phát triển sản phẩm cũng là một trong những chủ đề được đề cập.

2) Các nghiên cứu về chính sách vĩ mô xoay quanh chủ đề:

Trên thế giới: Chính phủ các quốc gia sử dụng công cụ chính sách vĩ mô là tăng/giảm chi tiêu công cho hoạt động R&D công cộng; đánh giá tác động của chính sách tới hoạt động R&D công cộng/tư nhân nông nghiệp.

Tại Việt Nam: Nghiên cứu về chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của DN tại Việt Nam hiện nay chưa có. Các chủ đề nghiên cứu chủ yếu đề cập đến mối quan hệ giữa các tổ chức R&D và DN nói chung hoặc đề cập đến hoạt động R&D tư nhân, một số ít đề cập đến lĩnh vực nông nghiệp. Các nghiên cứu về chính sách thúc đẩy mối liên kết giữa các bên liên quan chủ yếu được lồng ghép trong phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp hoặc chủ yếu đề cập đến chính sách phát triển NNCNC.

1.3.2. Những nội dung các công trình khoa học chưa đề cập

- Các nghiên cứu đề cập đến việc sử dụng một đến hai công cụ chính sách vĩ mô để đánh giá và phân tích tác động đến mối quan hệ giữa R&D công/tư nhân với DN. Việc sử dụng hạn chế các công cụ này có thể dẫn đến sự thiếu toàn diện trong việc hiểu rõ tác động của chính sách vĩ mô đến mối quan hệ giữa R&D và DN.

- Các nghiên cứu về mối quan hệ giữa tổ chức R&D và DN NNCNC còn hạn chế, đặc biệt khi xét đến yêu cầu xây dựng mối liên kết giữa tổ chức R&D và DN NNCNC. Cụ thể: Thiếu nghiên cứu sâu về ngành NNCNC; Tính một chiều và hạn chế về nội dung hợp tác; Chưa có các chính sách vĩ mô hỗ trợ liên kết cụ thể.

Các hạn chế kể trên cho thấy một khoảng trống nghiên cứu quan trọng về chính sách vĩ mô nhằm thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC và các tổ chức R&D tại Việt Nam. Cụ thể:

- Khoảng trống về khung chính sách vĩ mô toàn diện.
- Khoảng trống về nội dung và chiều sâu trong hợp tác.

- Khoảng trống trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá chính sách vĩ mô nhằm thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC và các tổ chức R&D tại Việt Nam.

1.4. Những điểm mà Luận án cần nghiên cứu

1.4.1. Về lý luận

- Luận án sử dụng lý thuyết HTĐMQG để làm rõ vai trò và mối quan hệ tương tác giữa DN NNCNC và các tổ chức R&D, cũng như mối quan hệ giữa hai chủ thể này với các chủ thể khác trong hệ thống HTĐMQG; Cơ sở lý luận về mối liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D; Cơ sở lý luận về chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D; Phân tích được các lý thuyết nghiên cứu liên quan: lý thuyết nghiên cứu chính sách, lý thuyết về HTĐMQG, lý thuyết về mối liên kết giữa DN và tổ chức R&D, lý thuyết mô hình SEM, SWOT.

1.4.2. Về thực tiễn

Phân tích thực trạng, đánh giá tác động chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D. Từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của DN tại Việt Nam.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHÍNH SÁCH VĨ MÔ THỨC ĐẨY MỎI LIÊN KẾT GIỮA DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VỚI CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI

2.1. Các khái niệm cơ bản

2.1.1. Khái niệm chính sách

Chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC và các tổ chức R&D là hệ thống các biện pháp được áp dụng nhằm tạo điều kiện thuận lợi tăng cường mối liên kết giữa DN NNCNC và các tổ chức R&D, từ đó nâng cao hiệu quả nghiên cứu và chuyển giao, gia tăng năng suất, chất lượng, tăng mức độ cạnh tranh của sản phẩm NNCNC trên thị trường, nâng cao hiệu quả hoạt động của DN.

2.1.2. Khái niệm tổ chức nghiên cứu và triển khai

“Tổ chức nghiên cứu và triển khai” hay “tổ chức khoa học và công nghệ”, theo Luật Khoa học và Công nghệ (2013), là các tổ chức có chức năng chủ yếu là NCKH, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.

2.1.3. Khái niệm nông nghiệp công nghệ cao

NNCNC là “nền nông nghiệp ứng dụng CNC vào toàn bộ quá trình SXNN nhằm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp tạo ra, thân thiện với môi trường, hướng tới phát triển bền vững”.

2.1.4. Khái niệm doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng CNC

Trong phạm vi Luận án, có thể hiểu DN NNCNC là các DN hoạt động trong ngành nông nghiệp, bao gồm các lĩnh vực như trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, sơ chế nông sản... dựa trên ứng dụng các nền tảng công nghệ, từ đó góp phần giảm các chi phí như đầu vào, nâng cao GTGT của sản phẩm đầu ra, thân thiện với môi trường.

2.1.5. Khái niệm hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

Hiệu quả hoạt động của DN là một đại lượng so sánh giữa đầu vào kinh doanh và đầu ra của hàng hoá/dịch vụ, có xem xét đến các mục tiêu hướng đến của DN.

2.2. Chính sách vĩ mô thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các tổ chức nghiên cứu và triển khai

Trong phạm vi Luận án, phân loại chính sách vĩ mô thành các nhóm: chính sách cơ cấu kinh tế, chính sách KH&CN; chính sách tài chính, chính sách tiền tệ và tín dụng; chính sách giáo dục, quản lý nguồn nhân lực và việc làm.

2.3. Tiêu chí đánh giá hiệu quả chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các tổ chức nghiên cứu và triển khai

2.3.1. Tính cần thiết

Tính cần thiết đánh giá dựa trên mức độ đáp ứng của chính sách đối với các vấn đề thực tiễn đặt ra trong phát triển NNCNC.

2.3.2. Tính hiệu lực

Tính hiệu lực của chính sách được đánh giá thông qua mức độ mà chính sách thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

2.3.3. Tính khả thi

Tính khả thi của chính sách liên quan đến khả năng thực hiện của các biện pháp đề xuất trong điều kiện thực tế.

2.3.4. Tính hiệu quả

Tính hiệu quả của chính sách là yếu tố then chốt để đánh giá mục tiêu chính sách có đạt được với mức chi phí hợp lý hay không.

2.3.5. Tính công bằng, minh bạch

Tính minh bạch của chính sách yêu cầu các quy trình thực hiện chính sách phải rõ ràng và công khai.

2.3.6. Sự phối hợp giữa các bên liên quan

Các kênh giao tiếp phải được thiết lập rõ ràng, cùng với các cơ chế hợp tác để hỗ trợ sự tương tác liên tục giữa các bên.

2.3.7. Khả năng thích ứng và điều chỉnh chính sách

Chính sách cần có cơ chế linh hoạt để thu thập, phản hồi thông tin từ các DN nông nghiệp, tổ chức R&D và các bên liên quan khác.

2.4. Cơ sở lý luận về mối liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các tổ chức nghiên cứu và triển khai

2.4.1. Các hình thức liên kết

- Liên kết đào tạo (bao gồm hỗ trợ sinh viên thực tập, thực tế, hỗ trợ thiết bị, chi phí phục vụ công tác giảng dạy, học tập, cung cấp nguồn lao động đầu vào trình độ cao).

- Liên kết nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu (bao gồm: trao đổi chuyên gia, chuyển giao và chia sẻ công nghệ, tri thức; đầu tư cho NCKH, thương mại hóa sản phẩm NCKH)

2.4.2. Các yếu tố tác động đến liên kết

- Chính sách hỗ trợ từ chính phủ đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy hợp tác giữa hai bên.

- Nhu cầu thị trường và khả năng thương mại hóa cũng ảnh hưởng lớn đến quyết định hợp tác của DN.

- Môi trường thể chế và quy định pháp lý, đặc biệt là các chính sách về quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ sáng chế.

- Mức độ tin cậy và chia sẻ thông tin giữa DN và tổ chức R&D.

2.4.3. Các chính sách liên kết

Chính phủ các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam đã ban hành và thực thi nhiều chính sách thúc đẩy mối liên kết giữa tổ chức R&D và DN NNCNC.

2.4.4. Mối quan hệ giữa hiệu quả hoạt động của DN và mối liên kết giữa DN với tổ chức R&D

Hiệu quả hoạt động của DN được nhìn nhận như một chỉ tiêu kinh tế phản ánh trình độ sử dụng các yếu tố của quá trình hoạt động (nguồn nhân lực, tài chính, thiết bị, máy móc sản xuất,..). Chi tiêu cho R&D có tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của DN. R&D và sản xuất có tác động đến kết quả hoạt động của DN. Nó có thể tạo nên những tác động khác nhau ở từng loại hình DN hay tại các quốc gia khác nhau nhưng hầu như các nghiên cứu đều chỉ ra rằng nó có tác động thuận chiều ở một mức nhất định.

2.5. Khung lý thuyết nghiên cứu

2.5.1. Lý thuyết về hệ thống đổi mới quốc gia

Sử dụng lý thuyết HTĐMQG để làm rõ vai trò và mối quan hệ tương tác giữa DN NNCNC và các tổ chức R&D, cũng như mối quan hệ giữa hai chủ thể này với các chủ thể khác trong hệ thống.

2.5.2. Lý thuyết nghiên cứu về liên kết giữa doanh nghiệp và các tổ chức nghiên cứu và triển khai

Một số lý thuyết liên quan: *Lý thuyết cấu trúc chức năng; Lý thuyết mạng lưới xã hội; Lý thuyết mô hình đổi mới Triple Helix.*

2.5.3. Lý thuyết mô hình SEM

Mô hình mạng SEM sử dụng để phân tích tương tác theo quan hệ nhân quả và thường được sử dụng để ước lượng các mô hình đo lường cũng như mô hình cấu trúc của bài toán lý thuyết đa biến.

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH VĨ MÔ THỨC ĐẨY MÓI LIÊN KẾT GIỮA DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VỚI CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

3.1. Thực trạng ban hành và thực thi chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các tổ chức nghiên cứu và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

3.1.1. Chính sách cơ cấu nền kinh tế

a. Chính sách cơ cấu ngành nông nghiệp

Chính sách ban hành góp phần tăng cường năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Quá trình thực thi chính sách còn hạn chế về vốn đầu tư và tiếp cận tài chính, thiếu hụt nguồn nhân lực CLC, cơ chế hợp tác và liên kết chưa chặt chẽ, thiếu tính đồng bộ.

b. Chính sách cơ cấu thành phần kinh tế nông nghiệp ứng dụng CNC

* *Chính sách đối với các tổ chức R&D*: Theo hướng tự chủ tài chính đáp ứng nhu cầu thị trường và DN, thúc đẩy liên kết với các DN, thương mại hóa sản phẩm, thực hiện đặt hàng nhiệm vụ KH&CN.

* *Chính sách đối với các DN NNCNC*: Các chính sách quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020. Đối với DN NNCNC, Nhà nước cũng ban hành một số chính sách xác định các tiêu chí công nhận DN NNCNC và khuyến khích đầu tư.

* *Chính sách liên kết, thúc đẩy chuyển giao sản phẩm KH&CN giữa các thành phần kinh tế*: Các chính sách ban hành theo hướng chuyển đổi các tổ chức R&D liên kết trực tiếp với DN thông qua các kết quả nghiên cứu đáp ứng nhu cầu của DN, bên cạnh đó Chính phủ cũng đưa ra các hỗ trợ về tài chính, tăng đầu tư cho R&D, thương mại hóa kết quả R&D.

c. Chính sách cơ sở hạ tầng nông nghiệp ứng dụng CNC

* *Chính sách đất nông nghiệp*: Một số nội dung chính quy định về đất nông nghiệp bao gồm: sở hữu đất; giá đất; tích tụ và tập trung đất; thu hồi và đền bù đất; thuế đất. Một trong những rào cản lớn là sự thiếu đồng bộ giữa các VBQPPL, chồng chéo trong quản lý, dẫn đến những khó khăn cho DN trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến đất đai.

* *Chính sách thủy lợi*: Thủy lợi có vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp. Tuy nhiên, các công trình thủy lợi vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất do thời gian sử dụng đã lâu và quy hoạch chưa được điều chỉnh phù hợp với thực tiễn. Chính sách miễn giảm phí thủy lợi tuy có giúp giảm gánh nặng tài chính cho DN, nhưng cũng tạo ra áp lực tài chính cho ngân sách nhà nước.

* *Chính sách cơ sở hạ tầng NNCNC*: Khu nông nghiệp ứng dụng CNC được quy định chi tiết tại Luật Công nghệ cao 2008. Một trong những thách thức lớn là quy mô hoạt động của các khu NNCNC còn nhỏ, và việc áp dụng công nghệ mới trong SXNN vẫn chưa đạt yêu cầu.

3.1.2. Chính sách KH&CN nông nghiệp

Các chính sách tạo ra khung pháp lý và cơ chế khuyến khích cho phát triển KH&CN. Đối với ngành nông nghiệp, các chính sách tập trung vào việc ứng dụng KH&CN để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp, đổi mới và phát triển công nghệ. Chính sách khuyến khích sự hợp tác giữa các tổ chức R&D và DN NNCNC đã dẫn đến việc hình thành nhiều dự án nghiên cứu chung.

3.1.3. Chính sách tài chính, tiền tệ và tín dụng nông nghiệp ứng dụng CNC

Chính sách ban hành nhằm thúc đẩy phát triển NNCNC thông qua việc sử dụng các công cụ như chi tiêu Chính phủ, thuế, phí, lãi

suất, tín dụng hỗ trợ các DN NNCNC đầu tư vào NNCNC, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp,... Tuy nhiên còn tồn tại hạn chế như vốn và nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế, chưa thu hút được nhân lực chất lượng cao, tiếp cận tín dụng ngân hàng đối với DN NNCNC còn khó khăn; nhiều lĩnh vực chưa có ưu đãi thuế.

3.1.4. Chính sách giáo dục, quản lý nguồn nhân lực và việc làm nông nghiệp ứng dụng CNC

Nhiều cơ chế, chính sách về phát triển nhân lực và việc làm trong nông nghiệp được ban hành. Nhiều cơ sở giáo dục kết hợp với DN trong đào tạo. Tuy nhiên, vẫn thiếu các chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực công nghệ tiên tiến như công nghệ sinh học và tự động hóa trong nông nghiệp.

3.2. Tác động của chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các tổ chức R&D

3.2.1. Kiểm định thang đo Cronbach's Alpha

Phép kiểm định này phản ánh mức độ tương quan chặt chẽ giữa các biến đo lường trong cùng một nhân tố.

3.2.2. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Phân tích các nhân tố này giúp giải thích ý nghĩa thực tiễn của chúng trong việc thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC và các tổ chức R&D.

3.2.3. Phân tích nhân tố khẳng định (CFA)

Việc xác nhận mô hình bằng CFA giúp đảm bảo các yếu tố này phản ánh đúng mối quan hệ nghiên cứu và hỗ trợ cho việc đề xuất các giải pháp chính sách.

3.2.4. Mô hình hóa phương trình cấu trúc (SEM)

Kết quả SEM giúp đánh giá mức độ và cách thức tác động của các nhân tố: chính sách; đầu tư và ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số;

hợp tác mạng lưới R&D; nhân lực và trình độ chuyên môn; đặc điểm của DN đến mối liên kết giữa DN và các tổ chức R&D.

3.3. Đánh giá hiệu quả chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các tổ chức nghiên cứu và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

3.3.1. Đánh giá về tính cần thiết của chính sách

Chính sách đóng vai trò thiết yếu để thúc đẩy quá trình phát triển và tăng cường khả năng cạnh tranh của nền nông nghiệp.

3.3.2. Đánh giá về tính hiệu lực của chính sách

Các chính sách vĩ mô bước đầu đạt được các mục tiêu đề ra.

3.3.3. Đánh giá về tính khả thi của chính sách

Các chính sách phù hợp nhằm phát triển nền kinh tế nông nghiệp trong từng giai đoạn.

3.3.4. Đánh giá về tính hiệu quả của chính sách

Các chính sách giúp các DN nâng cao năng lực cạnh tranh, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp.

3.3.5. Đánh giá về tính công bằng, minh bạch của chính sách

Các lợi ích từ chính sách được phân phối một cách công bằng giữa các DN và các tổ chức R&D.

3.3.6. Đánh giá về sự phối hợp giữa các bên liên quan

Cơ chế phối hợp rõ ràng, chia sẻ thông tin và nguồn lực, tăng cường hợp tác và xác định rõ vai trò và trách nhiệm.

3.3.7. Đánh giá về khả năng thích ứng và điều chỉnh của chính sách

Chính sách phù hợp với những thay đổi liên tục của môi trường kinh tế, xã hội.

CHƯƠNG 4. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH VĨ MÔ THỨC ĐẨY MỎI LIÊN KẾT GIỮA DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VỚI CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

4.1. Định hướng chiến lược chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các tổ chức nghiên cứu và triển khai

- Hỗ trợ DN NNCNC đổi mới công nghệ, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật CNC vào SXNN.

- Tăng cường tiềm lực R&D

- Cải cách các cơ sở R&D

- Phát triển nguồn nhân lực NNCNC

4.2. Phân tích cơ sở đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao và các tổ chức nghiên cứu và triển khai tại Việt Nam

Trên cơ sở chủ trương, chính sách đã có và những khoảng trống mà các chính sách hiện hành chưa giải quyết được dẫn đến mối liên kết giữa DN NNCNC và các tổ chức R&D còn tồn tại nhiều khuyết điểm về mặt mô hình và thực tiễn.

4.3. Đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các tổ chức nghiên cứu và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

4.3.1. Chính sách cơ cấu ngành nông nghiệp

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo xu hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ; Phát triển nông nghiệp theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Đẩy mạnh cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới,

hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn, tạo đà thúc đẩy phát triển nông nghiệp, NNCNC; Tái cơ cấu theo hướng giảm tỷ trọng lĩnh vực trồng trọt, tăng tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp.

4.3.2. Chính sách thúc đẩy liên kết giữa tổ chức nghiên cứu và triển khai và doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao

Chính phủ đóng vai trò tạo lập môi trường thúc đẩy liên kết hợp tác giữa tổ chức R&D và DN; Cải cách chính sách vĩ mô thúc đẩy liên kết giữa các tổ chức R&D và DN NNCNC; Triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ, coi DN là trung tâm của cơ chế, chính sách đổi mới và lấy các tổ chức R&D là chủ thể nghiên cứu; Hoàn thiện các chính sách liên quan để tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động liên kết; Xây dựng văn hóa liên kết giữa các tổ chức R&D và DN NNCNC; Xác định rõ ràng vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình liên kết; Hỗ trợ DN NNCNC, các tổ chức R&D tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế; Chia sẻ kinh nghiệm, mô hình liên kết hiệu quả giữa các DN và tổ chức R&D.

4.3.3. Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp

Thực hiện chính sách chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp; Ban hành các chính sách phát triển, hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phù hợp bối cảnh mới; Xây dựng, thực hiện chính sách phát triển khu NNCNC dựa trên lợi thế cạnh tranh từng vùng, phát huy nguồn lực địa phương; Tiếp tục ban hành các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy, ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng của các tổ chức R&D gắn với thực tế, tăng cường liên kết trực tiếp giữa DN và các tổ chức R&D; Phát triển các trung tâm, hệ thống thông tin dữ liệu trung gian hỗ trợ kết nối, liên kết chuyển giao công nghệ.

4.3.4. Chính sách thúc đẩy KH&CN nông nghiệp

Hoàn thiện chính sách KH&CN theo định hướng phù hợp với cơ chế thị trường, thông lệ quốc tế. Thúc đẩy phát triển KH&CN, đổi

mới sáng tạo, nền kinh tế - xã hội số; Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù trong phát triển khoa học nông nghiệp; Xây dựng chính sách trong hỗ trợ phát triển sản xuất theo mô hình hợp tác, tập trung, liên kết, quy mô lớn, các mô hình mới, thí điểm ứng dụng công nghệ từng bước vào từng giai đoạn; Hoàn thiện triển khai đồng bộ các chính sách về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ,... trong phát triển nông nghiệp; Phát triển thị trường KH&CN quốc gia; Tăng cường quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC, nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC; Đẩy mạnh các chính sách hội nhập quốc tế cho các sản phẩm nông sản ứng dụng CNC.

4.3.5. Chính sách tài chính, tiền tệ và tín dụng NNCNC

Hoàn thiện chính sách theo hướng phân bổ hợp lý chi đầu tư cho hoạt động R&D trong nông nghiệp; Chính sách hỗ trợ tín dụng nông nghiệp tạo điều kiện cho DN NNCNC tiếp cận nguồn vốn tín dụng, nâng cao hiệu quả vốn vay; Hoàn thiện các chính sách ưu đãi thuế, phí theo hướng hỗ trợ, thúc đẩy các hoạt động ứng dụng NNCNC như thuế GTGT đối với các sản phẩm NNCNC.

4.3.6. Chính sách giáo dục, quản lý nguồn nhân lực và việc làm nông nghiệp

Hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề sang trồng trọt, chăn nuôi đáp ứng nhu cầu của thị trường; Hoàn thiện chính sách đào tạo nguồn lao động trong lĩnh vực NNCNC, tháo gỡ vướng mắc nhằm thu hút, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực trình độ chuyên môn cao; Hoàn thiện các chính sách đào tạo nguồn nhân lực quản lý và hành chính trong các DN NNCNC.

KẾT LUẬN

Thông qua tổng quan các nghiên cứu trong nước và quốc tế về chính sách ở chương I, Luận án đã trình bày được khái quát nội dung nghiên cứu liên quan đến chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của DN tại Việt Nam. Rút ra được các nội dung nghiên cứu đã đề cập và khoảng trống nghiên cứu hiện nay. Trong đó, các nghiên cứu trong nước về mối quan hệ giữa tổ chức R&D và DN còn hạn chế, chủ yếu chỉ đề cập đến mối liên hệ giữa cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và DN theo hướng đào tạo, một số ít đề cập đến chuyển giao kết quả nghiên cứu KH&CN. Các nghiên cứu chủ yếu đề cập đến mối quan hệ giữa tổ chức R&D và các DN nói chung hoặc trong một số ngành như công nghệ thông tin,... chưa đề cập đến lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là NNCNC. Các nghiên cứu về chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D tại Việt Nam chưa có. Đây là cơ sở để đề xuất một số nội dung về lý thuyết và thực tiễn Luận án cần nghiên cứu.

Tại Chương 2, Luận án đã trình bày được hệ thống cơ sở lý luận về mối liên kết giữa DN NNCNC và các tổ chức R&D xoay quanh các khái niệm về DN NNCNC, hiệu quả hoạt động của DN, tổ chức R&D...; cơ sở lý luận về mối liên kết giữa DN và tổ chức R&D, cơ sở lý luận về chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết trên; bài học kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới; trình bày được khung lý thuyết nghiên cứu và sơ đồ các bước nghiên cứu để thực hiện Luận án. Mối quan hệ giữa DN và tổ chức R&D nói chung có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc gia, thúc đẩy tạo ra tri thức, chuyển giao tri thức và triển khai tri thức mới đáp ứng nhu cầu của thị trường. Đối với mối liên kết giữa các DN NNCNC và các tổ chức R&D đóng vai trò quan trọng trong phát triển nền NNCNC của Việt Nam. Chính sách vĩ mô

của Chính phủ thực hiện đóng vai trò thúc đẩy và đóng vai trò là cầu nối, góp phần hỗ trợ mối quan hệ chặt chẽ và hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, mối liên kết giữa các DN NNCNC và các tổ chức R&D tại Việt Nam còn hạn chế do thủ tục hành chính, chính sách thuế, kinh phí phục vụ nghiên cứu, năng lực đội ngũ nhân lực KH&CN chưa đáp ứng các dự án quy mô lớn, thiếu các hoạt động liên kết... Do đó cần nghiên cứu và đề xuất các giải pháp chính sách phù hợp trong giai đoạn tiếp theo.

Tại Chương 3, Luận án đã đánh giá được thành tựu và hạn chế trong thực thi các chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa các tổ chức R&D và DN NNCNC nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động DN. Các chính sách nổi bật bao gồm (1) Chính sách cơ cấu nền kinh tế (chính sách cơ cấu ngành nông nghiệp, chính sách cơ cấu thành phần kinh tế trong nông nghiệp, chính sách cơ sở hạ tầng NNCNC); (2) Chính sách KH&CN nông nghiệp (Chính sách KH&CN nông nghiệp, Chính sách dịch vụ KH&CN trong nông nghiệp; Chính sách hợp tác quốc tế về KH&CN nông nghiệp); (3) Chính sách tài chính, tiền tệ và tín dụng NNCNC; (4) Chính sách giáo dục, quản lý nguồn nhân lực và việc làm nông nghiệp.

Bên cạnh những thành tựu nổi bật, các chính sách trên vẫn còn một số điểm cần khắc phục như thị trường chuyên giao KH&CN còn chậm, ít các tổ chức trung gian có uy tín và kinh nghiệm kết nối giữa các tổ chức R&D và DN. Thiếu các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đưa các sản phẩm NNCNC là kết quả nghiên cứu và chuyển giao giữa các tổ chức R&D và DN tiếp cận thị trường tiềm năng, thương mại hóa sản phẩm. Chính sách mua sắm công còn hạn chế trong khuyến khích sử dụng các sản phẩm là kết quả ứng dụng CNC. Liên kết giữa DN và các tổ chức R&D mặc dù đã có cải thiện nhưng vẫn còn yếu. Tính ứng dụng chưa cao của các sản phẩm nghiên cứu trong thực tế,

thời gian thu lợi nhuận từ chuyển giao kết quả nghiên cứu dài, thủ tục hành chính, chính sách thuế, năng lực lao động, cơ sở hạ tầng hạn chế... là rào cản để các DN NNCNC đầu tư liên kết... Đồng thời Luận án xác định được các yếu tố tác động thúc đẩy liên kết giữa DN NNCNC và các tổ chức R&D thông qua sử dụng mô hình SEM bao gồm: Chính sách; Hợp tác mạng lưới R&D; Đặc điểm của DN; Đầu tư và ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số; Nhân lực và trình độ chuyên môn; Các yếu tố khác.

Tại Chương 4, trên cơ sở kết hợp phân tích thực trạng thực thi chính sách và các yếu tố tác động ở chương 3 để đề xuất một số giải pháp thúc đẩy ban hành và thực thi chính sách vĩ mô thúc đẩy mối liên kết giữa DN NNCNC với các tổ chức R&D nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của DN bao gồm: Chính sách cơ cấu ngành nông nghiệp; Chính sách thúc đẩy liên kết giữa tổ chức R&D và DN NNCNC; Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp; Chính sách thúc đẩy KH&CN nông nghiệp; Chính sách tài chính, tiền tệ và tín dụng NNCNC; Chính sách giáo dục, quản lý nguồn nhân lực và việc làm nông nghiệp.